

Số: 16/2023/QĐST-HNGĐ

Nguyễn Bình, ngày 10 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lý Thị X; sinh ngày 12/10/1988;

2. *Bị đơn*: Anh Bàn Văn C; sinh ngày 25/13/1993;

Cùng địa chỉ: Xóm K, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ngân hàng chính sách xã hội;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 169 phố L Đường, phường H Liệt, quận H Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Thanh H - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch chi nhánh huyện N, tỉnh Cao Bằng.

2. Bà Triệu Thị H; sinh năm 1966;

3. Ông Lý Văn H, sinh 1963.

4. Chị Lý Thị Đ, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Xóm K, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

5. Chị Lý Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

6. Chị Lý Thị M, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

7. Chị Lý Thị T; sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm S, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 59; 60; 81; 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lý Thị X và anh Bàn Văn C.
 2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lý Thị X và anh Bàn Văn C cùng nhất trí thuận tình ly hôn.
 - **Về con chung:** Chị Lý Thị X và anh Bàn Văn C cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lý Diệu L, sinh ngày 06/01/2016. Hiện nay, cháu L đang sống với chị X tại xóm K, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.
- Chị X, anh C thoả thuận, sau khi ly hôn, chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Sau khi ly hôn, anh C được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.
- **Về chia tài sản chung:** Chị Lý Thị X và anh Bàn Văn C cùng xác nhận vợ chồng có tài sản chung gồm:
 1. Một ngôi nhà cấp 4 tại xóm K, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.
 2. Một máy cày mua mới năm 2016.
 3. Một xe tắc tơ mua mới năm 2016.
 4. Một xe máy Honda Wave Alpha màu bạc đen biển kiểm soát 11B1-016.70 mua năm 2011.
 5. Các loại cây trồng trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 161, tờ bản đồ số 02 số GCN AG 974659:

5.1. Cây Keo 6 năm tuổi, đường kính trung bình cây 15cm, cao trung bình 4m: 600 cây, trồng trên diện tích 5.600 mét.

5.2. Cây Mỡ, 3 năm tuổi: 2.500 cây, trồng trên diện tích 7000 mét.

5.3. Cây Keo 4 năm tuổi, số lượng 350 cây, trồng trên diện tích 1.200 mét.

5.4. Cây Bạch đàn 3 năm tuổi: Số lượng 1.800 cây, trồng trên diện tích 3.000 mét.

5.5. Cây Quế mới trồng: 1000 cây.

5.6. Cây Thông 5 năm tuổi: 1.200 cây, trồng trên diện tích 10.300 mét.

5.7. Cây Thông 3 tuổi: 200 cây.

5.8. Cây Keo 4 năm tuổi: 2.500 cây.

5.9. Cây Thông 5 năm tuổi: 1.250 cây, trồng trên diện tích 1.3000m².

5.10. Cây Thông 9 năm tuổi: 600 cây.

Chị X, anh C cùng nhất trí thỏa thuận về chia tài sản chung như sau:

Sau khi ly hôn, X được trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ số tài sản trên và thanh toán cho anh C số tiền 130.000.000,đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

- **Về thanh toán nợ chung:** Chị Lý Thị X và anh Bàn Văn C cùng xác nhận vợ chồng vay nợ như sau:

+ Năm 2016, vay của bà Triệu Thị H số tiền 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu đồng) để mua xe Tắc tở;

+ Năm 2020, vay của bà Triệu Thị H số tiền 7.000.000,đ (Bảy triệu đồng) để mua cây Bạch đàn giống;

+ Năm 2021, vay của bà Triệu Thị H số tiền 26.000.000,đ (Hai mươi sáu triệu đồng) để làm nhà.

+ Năm 2021, vay của em gái Lý Thị Thảo số tiền 24.000.000,đ (Hai mươi bốn triệu đồng) để làm nhà.

+ Tháng 8/2021, vay Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch chi nhánh huyện N, tỉnh Cao Bằng số tiền 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền vay nợ của hai vợ chồng là 167.000.000,đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Chị X, anh C cùng nhất trí thỏa thuận về thanh toán nợ chung như sau:

Sau khi ly hôn, chị X có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ chung của cả hai vợ chồng.

- **Về các chi phí khác:** Chị Lý Thị X tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tổng số tiền là 5.000.000,đ (Năm triệu đồng). Anh C đồng ý và không có ý kiến gì thêm.

- **Về án phí:** Chị Lý Thị X và anh Bàn Văn C là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án kèm Giấy xác nhận do Ủy ban nhân dân huyện N xác nhận. Theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị X, anh C được miễn toàn bộ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mã Nguyệt Thu